

*Phẩm thứ ba: **PHỔ HIỀN TAM MUỘI***
(Đi vào phần đầu của quyển thứ bảy trong kinh)

Đi vào giải thích phẩm này, có bốn môn giống như trước:

A- Ý ĐƯA RA: Trước là Đại chúng đã quy tụ, ánh sáng nêu ra bậc Pháp chủ; nay sắp thuyết pháp, vì vậy bậc Pháp chủ nhập định, được gia hộ làm phương tiện gần, cho nên tiếp tục đưa ra.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Phổ Hiền là trình bày về người thuyết pháp, bởi vì thuyết giảng về pháp rộng lớn; Tam-muội là nghiệp dụng, bởi vì không chứng thì không nói ra. Đây là người và pháp hợp lại để nêu ra. Tam-muội của Phổ Hiền, cũng bởi vì Tam-muội này là Phổ Hiền vốn có. Vả lại, cảnh giới của Tam-muội gọi là Phổ Hiền, bởi vì tất cả Như Lai Tạng thân là Phổ Hiền, ở đây thì Phổ Hiền tức là Tam-muội, chọn lấy những Định khác. Nếu dựa theo phẩm Phổ Hiền Tam Muội Uy Đức Thần Biến trong bản tiếng Phạn, thì uy đức thần biến đều là Dụng của Định, thâm nhiếp Dụng thuận theo Thể, chỉ nói là Tam-muội. Bởi vì từ trước đến sau ca ngợi về ánh sáng của Phật gia hộ đều nhờ vào Định, cho nên Hội khác nhập Định được gia hộ-xuất Định liền thuyết giảng, cùng làm một phẩm. Nay phẩm này tách ra, văn nhiều-nghĩa rộng vốn là khuyến khích tu học. Nói về nghĩa rộng, bởi vì kiến lập hạnh nguyện của Phổ Hiền, cho nên phẩm này dựa vào tướng thô còn lại, mà nói đến bốn loại giống nhau-sáu loại khác nhau. Nói về bốn loại giống nhau, đó là nhập Định-an trú-gia hộ-xuất Định (Nhập-trú-gia-xuất). Nói về sáu loại khác nhau: 1- Số lượng khác nhau, bởi vì Hội khác nhập Định-xuất Định chỉ có một, Hội này nhập Định-xuất Định đều có nhiều; 2- Chủng loại khác nhau, bởi vì chủng loại ở những phương khác; 3- Lợi ích khác nhau, bởi vì xuất Định làm lợi ích cho nhiều người; 4- Ca ngợi ánh sáng khác nhau, bởi vì ca ngợi ánh sáng nơi lỗ chân lông của Như Lai; 5- Chúng thưa thỉnh khác nhau, bởi vì từ Định đứng dậy rồi chờ đợi Đại chúng thưa thỉnh; 6- Tướng chứng khác nhau, bởi vì Hội khác đến cuối kinh mới có tướng chứng, phẩm này làm lợi ích rồi lập tức mặt đất rung động-cuộn mây rưới mưa... Hai loại 4-5 ở Thập Địa tuy có mà không đầy đủ sáu loại, nay ở đây có đủ sáu loại cho nên tách ra lập thành Phẩm, bởi vì Phẩm này nói về quả-còn lại đều là nhân. Lại vốn là căn bản-tổng quát của các Hội, bởi vì Hội thứ bảy-tám-chín tuy là Định thuộc quả, mà thuyết giảng bao gồm nhân quả, cho nên không phải là tổng quát.

C- TÔNG THỨ: Nhập Định thuộc pháp giới được chư Phật khắp

pháp giới gia hộ làm Tông, khiến cho Đại chúng khắp pháp giới thành tựu về đức của pháp giới làm Thứ; hưởng về phẩm sau, cũng nói đến Thế giới hải làm Thứ.

D- GIẢI THÍCH VĂN: văn có sáu phần: Một: Phần nói về Tam-muội; Hai: Phần nói về gia trì; Ba: Phần rời khỏi Định; Bốn: Phần nói về tác chứng; Năm: Phần ca ngợi về đức của ánh sáng nơi mảy lông; Sáu: Phần Đại chúng nói kệ ca ngợi thừa thỉnh.

Một: Phần nói về Tam-muội, có hai: 1- Trình bày về nhập Định ở thế giới này; 2- Tương tự nối thông với mười phương.

Ngay trong phần 1 phân ba: a- Nương theo uy lực nhập Định; b- Làm sáng tỏ tên gọi của Định; c- Trình bày về Thể-Dụng của Định.

Phần a có sáu: Một: Thời, lúc nói kệ xong. Hai: Chủ, hiển bày về đức rộng khắp của Phật, vốn chỉ có Phổ Hiền. Ba: Xứ, dựa vào Như Lai, bởi vì thường ở trước Phật. Bốn: Pháp tòa đã dựa vào, kinh Đại Tập nói: “Bởi vì Bồ-tát đạt được Đà-la-ni Liên Hoa, cho nên ở nơi thuyết pháp đều có hoa sen, biểu thị cho tự tánh vô nhiễm của Tam-muội đã tiến vào hàm chứa pháp thuộc quả.” Năm: Nhân đã dựa vào, là bởi vì đã tiến vào sâu rộng thì cần phải nương theo uy lực. Sáu: Chính thức tiến vào Tam-muội cho nên tâm và cảnh sâu xa.

Phần b từ “Thử Tam-muội...” trở xuống là làm sáng tỏ tên gọi của Định. Tỳ-lô Giá-na trước đây đã giải thích mở rộng. Lại có người giải thích rằng: “Rộng lớn-phát sinh và ngừng lại, đầy đủ ba nghĩa này gọi là Như Lai Tạng thân; thân tức là Thể, là nơi nương tựa.” Ở đây có hai loại: Một là do tu mà thành; hai là tánh vốn có. Tánh vốn có thì phàm-Thánh đều thành tựu, do tu mà thành thì chỉ riêng chư Phật mới có. Chư Phật mới có, bởi vì Từ Bi vô biên cho nên gọi là Quảng, Trí tuệ vô thượng cho nên gọi là Đại, tướng sinh đã hết cho nên nói là Sinh Tức. Kinh Niết Bàn nói: “Thường trú mà lìa xa có cho nên gọi là Như Lai, hàm chứa thâm nhiếp vạn đức thì gọi là Tạng thân, tức là Pháp thân ra khỏi ràng buộc.”

Nói tánh vốn có, đó là ngay nơi Tạng thức bao hàm chủng tử, kiến lập những nẻo sinh ra cho nên gọi là Quảng; Bốn giác hiện lượng cùng với Phật như nhau, cho nên gọi là Đại; nối tiếp nhau sinh ra, cho nên gọi là Sinh; nhiễm-tịnh-khổ-vui vốn không có thể lay động, cho nên gọi là Tức. Ngay nơi Pháp thân trên đây còn trong ràng buộc gọi là Tạng, nghĩa là Không-Bất Không; Không là chủ động cất giữ (Năng tạng), bởi vì cất giữ không trống rỗng (Bất Không). Nếu dùng nghĩa Quang minh biến chiếu để giải thích về Tỳ-lô Giá-na, thì Tỳ-lô Giá-na tức là Đại Trí

có thể quán sát, Như Lai Tạng thân tức là Lý sâu xa đã quán sát, tất cả tuy là Lý mà có trí Phật mới soi chiếu. Vả lại, Tỳ-lô Giá-na cũng bao gồm Bốn hữu, hiểu biết chân thật về Bốn hữu vốn là nghĩa về soi chiếu khắp nơi pháp giới. Đây chính là Bốn giác mê mờ mà không nhận biết-không đạt được Dụng ấy, chỉ có Phật giác ngộ điều này có thể không có gì không làm, cho nên nói là tất cả chư Phật, chọn ra không phải phàm phu, cũng không phải là nhân, hiển bày về y-chánh lìa xa Như Lai Tạng không có tự Thể riêng biệt, cho nên tiến vào nơi này.

Hiền Thủ giải thích rằng: “Chư Phật có khắp tất cả, tức là hiển bày về chư Phật luôn luôn có trong vô số quốc độ khắp nơi pháp giới, và trong mỗi trần ấy vốn có các quốc độ, trong mỗi trần của các quốc độ lại có các quốc độ, như vậy trùng trùng không thể cùng tận.”

Nói về Như Lai Tạng thân, là trình bày ngay nơi thân này rộng khắp quốc độ, dung chứa tất cả vô số quốc độ khắp nơi pháp giới, tất cả đều ở trong thân Như Lai, cho nên gọi là Tạng thân. Vì thế cho nên dung thông toàn bộ có bốn câu: 1- Thân rộng khắp vô số quốc độ; 2- Quốc độ ở trong thân; 3- Thân rộng khắp quốc độ trong thân; 4- Quốc độ hòa vào thân trong quốc độ khắp nơi. Ngay bên trong-ngay bên ngoài, y-chánh tự nhiên dung thông, không có gì chướng ngại, là do Tam-muội này mà làm ra, cho nên dùng làm tên gọi. Muốn thuyết giảng về pháp này, cho nên nhập Định ấy.

Phần c từ “Phổ nhập...” trở xuống là trình bày về Thể-Tướng-Dụng của Định. Tướng-Dụng của Định này vô lượng vô biên, tất cả đều dựa vào Như Lai Tạng mà nói. Sơ lược đưa ra nội dung quan trọng, câu thì có mười ba, môn lại có mười. Dùng hai môn sau thu nhận năm câu, cho nên thâm nhiếp làm sáu cặp. Bởi vì hai môn sau đều có một cặp, do đó vẫn có bốn tiết, mà nghĩa chỉ có ba, đến văn sau sẽ trình bày. Nói về sáu Cặp:

1) Hai câu đầu trình bày một cặp về Thể-Dụng, đó là Trí vô phân biệt-chứng Tánh bình đẳng, dùng làm Thể của Định. Ảnh hiện pháp giới là Dụng thù thắng, nghĩa là dùng tánh thuộc Trí tuệ (Nhân nhân tánh) mà chứng được tánh của nhân ấy, thành tựu tánh của quả ấy mà hiển bày về tánh thuộc Vô thượng Đại bát Niết-bàn (Quả quả tánh). Như vậy Phật tánh thì đầy đủ bảy nghĩa: Một là Chân, hai là Thật, ba là Thiện, bốn là Thường, năm là Lạc, sáu là Ngã, bảy là Thanh tịnh. Tánh của chúng sinh và Phật gốc-ngọn không khác nhau, hưởng gì quả Phật, quả lẽ nào không bình đẳng hay sao? Tánh bình đẳng của Phật tức là Như Lai Tạng, vì thế cho nên chỉ tiến vào Như Lai Tạng thân, tức là đã

tiến vào tánh bình đẳng của Phật. Đây là môn Khế hợp Phật tánh. Nói đến Dụng thù thắng, tức là nêu ra môn thuộc về các Ảnh tượng, nghĩa là có thể hiện bày-có thể phát sinh Thân-Độ phỏng theo Trí.

2) Hai câu tiếp là một cặp về Thâm-Quảng (sâu-rộng), rộng là vô biên, bởi vì không thuộc về trong-ngoài; lớn là vô thượng, bởi vì phạm vi chân thật đến cuối cùng; vô ngại là bởi vì không có gì ngăn ngại, giống như hư không. Thành tựu ba nghĩa trên, gồm chung làm môn Quảng đại vô ngại; câu sau tức là môn Nhập pháp hải hoàn phục (dòng nước xoáy), Hoàn tức là Thâm (sâu).

3) Có hai câu là một cặp về Xuất-Nạp (phát ra-thâu vào), đầu là môn Xuất sinh Tam-muội, nghĩa là hoặc Tự tướng hay là Cộng tướng..., tất cả Tam-muội để từ đây mà sinh ra, bởi vì đây là căn bản của các Định; sau là môn Nhiếp thọ pháp giới, bởi vì cuối cùng quy về nơi này, vốn là Thể tánh của pháp giới.

4) Có hai câu là một cặp về Cảnh-Trí, câu đầu là môn Năng thành Phật trí, nghĩa là không hiểu rõ lý này bởi vì không phải trí Phật; câu sau là môn Thị hiện chư cảnh. Nhưng nói đến an lập thì tổng quát có ba loại: Một là thế giới an lập về Y báo, hai là Thánh giáo an lập về Diệu nghĩa, ba là Quán trí an lập về Đế tướng, đều là Pháp giới tạng hiển thị rõ ràng trước mắt.

5) Có hai câu, tức là môn Y-Chánh hàm dung, là một cặp về Nội-Ngoại hàm dung, nghĩa là bên trong hàm chứa Trí lực về nhân quả, bên ngoài khiến cho mảy trần dung nạp pháp giới, bởi vì mảy trần hoàn toàn dựa vào Pháp giới tạng mà hiện bày, vốn cùng chung Chân tánh.

6) Có ba câu, tức là môn Thành tựu nhiếp trì, là một cặp về Thành trì-nhân pháp (Pháp do con người duy trì mà thành tựu), nghĩa là đầu do Đại nguyện-công đức của con người mà thành tựu quả, sau là duy trì Pháp luân khiến cho không đoạn tuyệt, nhờ vào lý sâu xa này mà Pháp nhãn luôn luôn đầy đủ.

Trên đây nói về bốn Tiết: Đầu là bốn câu trình bày về không có u tối nào mà không tiến vào, giải thích về nghĩa soi chiếu khắp nơi của Tỳ-lô Giá-na trước đây. Tiếp là bốn câu nói về không có đức nào mà không phát sinh, giải thích về nghĩa của Tất cả chư Phật trước đây. Tiếp là hai câu nói về trong-ngoài hàm chứa dung nạp, giải thích về nghĩa của Tạng trước đây. Sau là ba câu nói về thành tựu đức duy trì pháp, giải thích về nghĩa của Thân trước đây.

Nói về Nghĩa chỉ có ba, đó là Thể-Tướng-Dụng, tiến vào tánh bình đẳng là Thể của Định, rộng lớn giống như hư không là Tướng của

Định, còn lại đều là Dụng của Định. Ba nghĩa này viên dung, toàn bộ là Tam-muội Phổ Hiền vô ngại.

Phần 2 từ “Như thử...” trở xuống là tương tự nối thông với mười phương và vô số các thế giới (Trần đạo), trong đó có hai: Đầu là nêu ra thế giới này; sau từ “Như thị...” trở xuống là tương tự những thế giới kia.

Trong phần tương tự những thế giới kia, có hai: a- Trình bày về bình đẳng rộng khắp pháp giới; b- Trình bày về trùng điệp vô tận.

Trong phần a có mười một câu: Một câu đầu là tổng quát trình bày, nghĩa là tận cùng pháp giới; mười câu sau là riêng biệt chỉ ra để làm sáng tỏ đến tận cùng: 1: Tận cùng hư không pháp giới; 2: Tận cùng nơi chốn mười phương ở trong hư không; 3: Tất cả thời gian ba đời ở trong mười phương; 4: Nơi vật vi tế ở trong ba đời, đó là đầu mảy lông...; 5: Tất cả mọi nơi nhỏ bé không ngăn ngại; 6: Hoặc ở nơi rộng lớn trăm ngàn do tuần...; 7: Ở nơi người-trời, ánh sáng của mặt trời-mặt trăng...; 8: Tận cùng nơi chốn mà Phật nhãn nhìn thấy; 9: Tận cùng nơi chốn mà thần lực đến được; 10: Ở nơi mà thân Phật có thể hiện bày. Câu thứ 10 này có hai nghĩa: Một là kết luận nói về quốc độ trên đây, nối thông với mười một đoạn; hai là thành tựu về sau, bởi vì quốc độ trong thân này vốn là vi tế.

Trong phần b từ “Cập thử...” trở xuống là trình bày về trùng điệp vô tận, sơ lược có bốn lớp: 1: Tận cùng vi trần khắp pháp giới, nói cho đến quốc độ này, là chỉ ra quốc độ ở mười nơi chốn trước đây; 2: Nhiều quốc độ trong vi trần; 3: Nhiều Phật trong quốc độ; 4: Trước mỗi một vị Phật có nhiều Phổ Hiền. Ở những nơi chốn trên đây đều tiến vào Định này, cho nên thân của Phổ Hiền không phân ra thô tế mà có khắp mọi nơi, sâu rộng tròn đầy trùng điệp. Ở nơi này tiến vào Định, tương tự nối thông đã như vậy; khắp pháp giới tiến vào Định, tương tự nối thông cũng như vậy. Do đó, dựa theo Định của Chủ, trước Phật chỉ có một Phổ Hiền, bởi vì tất cả là một. Nếu dựa vào tương tự nối thông, thì trước Phật đều có trần số, bởi vì một là tất cả.

Hai: Từ “Nhĩ thời nhất nhất...” trở xuống là phần nói về gia trì, có ba: Đầu là gia hộ bằng miệng, tiếp là gia hộ bằng ý, sau là gia hộ bằng thân.

Trong phần đầu có bốn: 1- Chư Phật hiện rõ trước mắt, bởi vì ở đây gia hộ bằng miệng, về sau không có kết luận nối thông, cho nên ở đây tổng quát nêu ra thời gian-nơi chốn trùng trùng, đều ở trước mỗi một Phổ Hiền. 2- Từ “Bỉ chư...” trở xuống là ca ngợi về đạt được Định

ấy, đây tuy là Định thuộc quả, nhưng mà tiến vào môn của Bồ-tát, cho nên nói là Tam-muội của Bồ-tát. 3- Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về nguyên cơ đạt được Định, nguyên cơ có ba: a- Phật bạn cùng nhau gia hộ, bởi vì đạo của Phật và Phật giống nhau; b- Bốn nguyện của Phật chủ. Hai nguyên cơ này làm duyên. c- Hạnh nguyện tự mình tu tập là nhân của nhập Định. Lại ba nghĩa trên, những nghĩa trước nhờ vào những nghĩa sau, còn lại lẽ nào không có hạnh này hay sao? Bởi vì pháp môn chủ, bởi vì biểu thị cho thuyết giảng về tất cả các pháp. 4- Từ “Sở vị...” trở xuống là phân rõ về gia hộ bằng việc đã làm. Văn này có hai xu thế: Một là phân rõ về gia hộ bằng việc đã làm; hai là hiển bày về tướng của hạnh nguyện nói trên, cho nên nói là việc đã làm. Việc đã làm là nói đến điều gì, đó là Chuyển pháp luân.

Văn có mười một câu: Một câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt, một câu đầu là tổng quát thấu nhiếp mười Trí, chín câu còn lại tức là nói về mười Hải: 1: Tức là An lập hải; 2: Tức là Chúng sinh hải và Nghiệp hải; 3: Tức là Thế giới hải; 4: Tức là Phật hải; 5: Tức là Danh hiệu hải-Thọ lượng hải và Giải thoát hải, bởi vì Đại Dụng của biến hóa đều là công đức; 6: Tức là Ba-la-mật hải, đạt đến bến bờ của Thật tướng; 7: Tức là Chuyển pháp luân hải; 8: Tức là Căn hải; 9: Tức là Diển thuyết hải. Cùng với mười Trí sau khiến cho nhận biết về mười câu này.

Phần tiếp từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về gia hộ bằng ý, trong đó có hai: Trước là nói về gia hộ; sau là giải thích.

Trong phần trước cũng có hai: Một: Nói về quốc độ này; Hai: Tương tự nối thông với nhau.

Trong phần một là trao cho mười loại Trí: Đầu là một câu tổng quát, nghĩa là trao cho Trí về Quả hải, mà nói trao cho, là bởi vì Phật lực tưới vào khiến cho tăng trưởng. Tánh của Nhất thiết trí tức là Quả hải, tánh của Trí tức là Lực bởi vì không có khuynh động, vốn đầy đủ mười Lực, chữ Trí cuối cùng tức là có năng lực tiến vào. Chín câu còn lại là riêng biệt, tức là mười Trí trong phẩm Thế Giới Thành Tựu. Bởi vì trao cho Trí này, cho nên sau đó có thể thuyết giảng về Trí ấy, quán sát về mười Hải ấy, mà văn có phần nào không theo thứ tự: 1: Tức là Trí thứ ba về Pháp giới an lập hải, bởi vì an lập không có ranh giới-hạn lượng. 2: Tức là Trí thứ tư về Phật hải, Phật hải chỉ là cảnh thuộc phạm vi giới hạn của Phật. 3: Tức là Trí thứ nhất. 4: Tức là Trí thứ hai, về Chúng sinh hải và Nghiệp hải, nhân của nghiệp vi tế cho nên nói là rộng lớn. 5:

Hàm chứa hai câu, một tức là Trí thứ tám về Thần biến hải của Phật, tác dụng của giải thoát tức là thần biến, thần biến dựa vào Định gia hộ mà nói là Tam-muội; hai là hàm chứa Trí về ba đời, văn sau nói một niệm nhận biết ba đời, nhờ vào Lực giải thoát không thể nghĩ bàn của Phật, bởi vì câu tổng quát nói về gia hộ cho nên hai câu này hợp lại. 6: Tức là Trí thứ năm. 7: Tức là Trí thứ chín. 8: Tức là Trí thứ bảy về Nguyên hải, bởi vì Nguyên lực cho nên tiến vào tất cả thế giới trong pháp giới. 9: Tức là Trí thứ mười về Kiến lập diễn thuyết hải. Vả lại, căn của Bồ-tát lại có nhiều nghĩa, tu mười thiện đạo có ba thiện căn, tu các Độ của Địa thì Tinh tiến làm căn, thâm nhiếp tiếp nhận Chánh pháp thì Tín-Tuệ làm căn, thâm nhiếp nuôi dưỡng chúng sinh thì Từ Bi làm căn, để thành tựu Phật đạo thì Bi-Trí làm căn, đủ loại sai biệt mà khéo léo nhận biết.

Phần hai từ “Như thử...” trở xuống là tương tự nối thông, có thể biết.

Sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên cố, có hai: Một là nêu ra, ý nói rằng chư Phật có Lực có thể trao cho, có Từ có thể phủ khắp, vì sao mười Trí chỉ gia hộ cho Phổ Hiền? Giải thích rằng: Phổ Hiền đạt được Tam-muội này, pháp vốn như vậy cần phải trao cho.

Trong phần sau từ “Thị thời...” trở xuống là gia hộ bằng thân, cũng có hai: Đầu là nói về quốc độ này; sau từ “Như thử...” trở xuống là tương tự nối thông với nhau.

Trong phần đầu lại có hai: Một: Tay của Phật xoa lên đỉnh đầu, trình bày về gia hộ thâm nhiếp tiếp nhận vị ấy. Lại dựa theo bản tiếng Phạn, trình bày về thân của chư Phật mười phương đều không đi đến quốc độ này, duỗi cánh tay không cần phải dài, mà cùng lúc xoa lên đỉnh đầu, tất cả đều chạm vào đỉnh đầu nhưng không trở ngại lẫn nhau, đều là nghiệp dụng tự tại của Như Lai. Hai: Từ “Kỳ thử...” trở xuống là phân rõ về Tướng-Dụng của bàn tay Phật, trong đó có mười câu, để hiển bày về Vô tận: Năm câu trước là đức tướng tròn vẹn đầy đủ, đó là thon-nhỏ-thẳng..., cho nên nói là tướng hảo trang nghiêm; sau từ “Phục xuất...” trở xuống là năm câu trình bày về Diệu Dụng tự tại, ý trình bày về bàn tay này vươn dài đến mười phương mà bao quát ba đời, thu nhận nhân quả mà đầy đủ con người và pháp, Thế-Dụng sâu rộng tự tại vô biên, không phải ngôn từ có thể giải thích được.

Sau là tương tự nối thông với nhau, có thể biết.

Ba: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là phần rời khỏi Định, bởi vì những việc làm đã xong, trong đó có hai: Đầu là nói về quốc độ này; sau là tương tự nối thông với mười phương.

Trong phần đầu cũng có hai: 1- Rời khỏi Định; 2- Đại chúng được lợi ích.

Trong phần 1 cũng có hai: a- Rời khỏi Định chủ; b- Rời khỏi Định quyền thuộc.

Trong phần b cũng có hai: Một là tổng quát, đó là một rời khỏi Định thì tất cả rời khỏi Định, bởi vì Định vi diệu này, tức là tất cả Tam-muội hải; những Định khác là môn đều hòa vào Định này, những Định ấy hoàn toàn giống như Định này, cũng được gọi là Hải. Hai từ “Sở vi...” trở xuống là riêng biệt phân rõ, trần số đã nhiều, sơ lược nêu ra mười loại: 1: Tức là Tam-muội thuộc Trí chủ động (Năng) nhận biết, nghĩa là không có một niệm nào sai khác, cho nên nói là niệm niệm không có sai khác, mà không rời bỏ nhận biết khắp nơi là Trí thuộc phương tiện khéo léo. 2: Tức là trần cảnh thụ động (Sở) nhận biết. Chủ động-thụ động trên đây làm một cặp. 3: Hiện bày quốc độ rộng lớn. 4: Hiện bày nơi chốn cư trú. Tức là tổng quát-riêng biệt đối với thế giới làm một cặp. Kinh Lăng Già nói: “Như Lai Tạng thức, lập tức hiện bày tất cả Thân khí, và các Thọ dụng; Khí tức là quốc rộng lớn, Thọ dụng tức là nhà cửa.” 5: Nhận biết về sự sai biệt của tâm niệm. 6: Nhận biết về tên gọi của thân tướng. Tức là sắc-tâm của chúng sinh làm một cặp. 7: Nhận biết về nơi chốn rộng lớn. 8: Nhận biết về thân rộng lớn. Tức là Y-Chánh làm một cặp. Tuy nói vi trần, mà ý làm sáng tỏ về Phật rộng lớn như hư không, không có giới hạn, nơi nào có chúng sinh thì hiện bày, chỉ riêng Như Lai Tạng là thật có chúng sinh. Dựa vào đây kiến lập xứ sở khác nhau, tùy theo hạnh của Bồ-tát mà quốc độ có tịnh-úế, tùy theo nghiệp của chúng sinh mà hưởng về chủng loại khác nhau. Phật trong vi trần lại có một nghĩa, đó là Như Lai Tạng là thân của Chân Phật. Thể ấy rộng lớn không thể nào nhận biết, là luôn luôn thuộc về loại thứ 6-thứ 7. Trong vi trần, mỗi một hữu tình đều có Tạng thức, cho nên nói là đều có thân to lớn vô biên. 9: Thuận theo nhận biết về Lý thú của tất cả các pháp, là tám loại trên đây dựa theo Sự riêng biệt để hiển bày về môn riêng biệt, ở đây dựa theo Lý thú đầy đủ toàn bộ các pháp, cho nên nói là tất cả.

Trong kinh Đại Bát Nhã, ở phần Lý Thú nói: “Các pháp đều Không, không có sinh-không có diệt, không có tánh thuộc tự tánh, lìa xa tất cả các tướng, không thể nào mong cầu, nhưng Đệ nhất nghĩa thì trong lặng thường trú.” Nên biết chính là Như Lai Tạng này.

Kinh Tư Ích nói: “Khắp nơi tránh Không, đều không tách rời Không.”

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Lý thú có sáu: 1- Lý thú thuộc về nghĩa chân thật, đó là hai chương thanh tịnh, do Trí mà thực hành chân thật. 2- Lý thú thuộc về chứng đắc, đó là đạt được nhận biết như thật đối với nghĩa chân thật. 3- Lý thú thuộc về giáo hóa dẫn dắt, đó là tự mình chứng rồi khai thị cho chúng sinh. Ba loại này là căn bản, ba loại sau là giải thích. 4- Lý thú thuộc về lìa xa hai bên, đó là có người hỏi rằng: Thế nào gọi là Lý thú thuộc về nghĩa chân thật? Nên trả lời với họ rằng: Không phải có-không phải không có, không phải Thường-không phải Đoạn. 5- Lý thú thuộc về không thể nghĩ bàn, đó là có người hỏi rằng: Thế nào là chứng đắc? Nên trả lời với họ rằng: Đó là không thể nghĩ bàn, nếu xa lìa hý luận đối với các pháp, thì lúc bấy giờ chứng được tánh thuộc nghĩa thù thắng chân thật, cho nên biết rằng ngôn thuyết đều không phải là nghĩa chân thật. 6- Lý thú thuộc về tùy theo sự ưa thích của chúng sinh, đó là có người hỏi rằng: Thế nào là giáo hóa dẫn dắt? Nên trả lời với họ rằng: Tùy theo ý thích khác nhau của các chúng sinh, thuận theo mong muốn của họ mà phương tiện khai thị.”

Nghĩa chân thật ở kinh ấy tức là Tạng thân ở kinh này, không thể nghĩ bàn ở kinh ấy tức là Tam-muội ở kinh này. Bồ-tát Vô Trước nói về bốn loại Ý thú, giải thích tất cả các kinh cũng là Lý thú, như Nhiếp Luận phân rõ. Chín câu trên đây, chỉ có câu thứ 3-thứ 4 từ Lý mà được tên gọi, bảy câu còn lại đều thuận theo pháp đã nhận biết là thiết lập tên gọi. Những loại như vậy, có số lượng như vi trần trong tất cả Thế giới hải, hợp lại làm một Định, thì biết rằng Định này là tất cả các Định.

Phần 2 từ “Phổ Hiền...” trở xuống là Đại chúng được lợi ích, trong đó có hai: Đầu là nêu ra thời gian được lợi ích, cũng là nguyên cớ đạt được lợi ích; sau từ “Kỳ chư...” trở xuống là chính thức trình bày về đạt được lợi ích. Theo số giảm mà nói có chín: Năm câu đầu là đạt được pháp môn của Bồ-tát, mỗi câu có một nghĩa, đều bởi vì Định trước hàm chứa các nghĩa này; lại năm câu này, thì những câu sau thành tựu cho những câu trước. Bốn câu sau là đạt được pháp của quả Phật, tức là ba nghiệp của Như Lai: Một-Đạt được Thật trí của Tạng thân soi chiếu; hai-Đạt được Quyền trí thuộc Lực dụng của Tạng thân; ba-Mảy lông nơi thân hiện bày quốc độ; bốn-Thị hiện tám tướng, nghĩa bao gồm miệng chuyển, cũng bởi vì Tạng thân hàm chứa nghĩa này. Phổ Hiền xuất Định làm cho người khác lợi ích, là bởi vì đạo cảm ứng đan xen nhau. Như mùa Xuân cây cối đâm chồi nảy lộc, dương khí đã đầy đủ, gió Xuân vừa lướt nhẹ qua thì trăm hoa đều nở rộ; các chúng Bồ-tát tích chứa

pháp thiện đã sâu dày, hạnh nguyện đã giống nhau, vừa mới ngắm nhìn cảnh thù thắng, thì vạn đức lập tức tròn vẹn. Sâu kín và hiển lộ cùng giúp đỡ, có điều gì không thích hợp?

Sau từ “Như thử...” trở xuống là tướng tự nổi thông với mười phương, có thể biết.

Bốn: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là phần Hiện tướng tác chứng: Như vậy đạt được lợi ích thì tâm hoan hỷ, tâm hoan hỷ thì mặt đất rung động và xuất hiện những điềm lành. Ở các Hội nghe xong thì đạt được lợi ích, cho nên phần Hiện tướng ở sau. Hội này tuy là chưa nghe mà trước đã đạt được lợi ích, cho nên trước phải hiện rõ điềm lành, bởi vì Hội này phân rõ về quả, hiển bày về thù thắng. Trong văn có bốn: 1- Thế giới rung động nhẹ, bao gồm nguyên nhân xuất hiện điềm lành, nhờ vào hai lực của nhân quả; nói rung động nhẹ, bởi vì là tướng đầu tiên. 2- Những vật báu trang nghiêm. 3- Phát ra âm thanh thuyết pháp. 4- Phật hội tụ rưới mưa vật báu. Sơ lược nêu ra mười loại để hiển bày về Vô tận: Ba loại trước là vật báu thuộc về Sự tướng, bảy loại sau là vật báu thuộc về Pháp hóa truyền bá lưu thông, đều là từ thiện căn xuất thế gian mà sinh ra.

Năm: Từ “Phổ vũ như thị thập loại vân dĩ...” trở xuống là phần ca ngợi về đức của ánh sáng nơi mây lông, trong đó có hai: Đầu là kết thúc phần trước phát khởi phần sau; sau là chính thức hiển bày về lời kệ.

Trong lời kệ có mười tụng, phân ba: Đầu là một kệ tổng quát nói về Định trước đây; tiếp là tám kệ riêng biệt hiển bày về tướng rộng khắp; sau là một kệ kết luận về nguyên cơ ca ngợi.

Trong phần riêng biệt hiển bày, có hai: Hai kệ rưỡi trước là tướng thấn nói về rộng khắp trước đây; năm kệ rưỡi sau là nêu ra nhân để hiển bày về rộng khắp.

Trong năm kệ rưỡi sau, có hai: Đầu là nửa kệ nói về lực của duyên rộng khắp; sau là năm kệ nói về lực của nhân rộng khắp.

Trong năm kệ sau, có bốn: Một: Kệ đầu nói về ngay nơi Thế mà Dụng cho nên rộng khắp, nửa kệ trước nói về Thế, nửa kệ sau nói về Dụng, thân tướng như hư không là thân Pháp tánh, dựa vào Chân mà trú trong độ Pháp tánh, tùy cơ ứng khắp là hóa hiện Thọ dụng.

Hỏi: Thân-Độ pháp tánh là khác nhau hay không khác nhau? Khác nhau thì không gọi là Pháp tánh, bởi vì tánh vốn không hai; không khác nhau thì không có chủ động nương tựa-thụ động nương tựa. Đáp: Kinh-luận nói khác nhau, tất cả thu nhận Pháp thân, sơ lược có mười loại, Độ tùy theo thân mà hiển bày thì chỉ có năm lớp.

1) Dựa vào luận Phật Địa, chỉ dùng pháp giới thanh tịnh mà làm Pháp thân, cũng dùng pháp tánh mà làm Độ ấy, tánh tuy là một vị, tùy theo tướng của Thân-Độ mà phân ra hai loại khác nhau. Trí Luận nói: “Ở trong Trí (Số) hữu tình gọi là Phật tánh, ở trong Trí phi tình gọi là Pháp tánh, Giả thì nói về chủ động-thụ động mà Thật thì không có gì sai biệt.” Luận Duy Thức nói: “Tuy Thể của Thân-Độ này không có gì sai biệt, mà thuộc về tánh-tướng khác nhau của Phật-Pháp, nghĩa là Pháp tánh thuộc về Phật là thân Pháp tánh, Pháp tánh thuộc về Pháp là độ Pháp tánh, tánh tùy theo tướng mà khác nhau, cho nên nói là như vậy.” Nay nói như hư không, luận Duy Thức nói: “Thân-Độ này đều không phải là Sắc thân nhiếp, tuy không thể nói về hình lượng lớn-nhỏ, nhưng tùy theo sự tướng mà lượng ấy không có giới hạn, ví như hư không rộng khắp tất cả mọi nơi, cho nên nói như hư không là bao gồm dụ cho Thân-Độ.”

2) Hoặc chỉ riêng Đại Trí mà làm Pháp thân, Chân Như đã chứng làm độ Pháp tánh. Vô Tánh Nhiếp Luận nói: “Trí vô nhiễm-vô quái ngại làm Pháp thân. Nếu như vậy thì tại sao nói là Tướng như hư không? Bởi vì Thể của Trí vô ngại giống như hư không.”

3) Cũng là Trí-cũng là Như mà làm Pháp thân, Lương Nhiếp Luận và kinh Kim Quang Minh đều nói: “Chỉ có Như Như và Trí Như Như tồn tại một mình, gọi là Pháp thân.” Đây là Thân hàm chứa Như-Trí, Độ thì chỉ có Như.

4) Cảnh-Trí cùng phai mờ mà làm Pháp thân, kinh nói: Pháp thân của Như Lai, không phải tâm-không phải cảnh, Độ cũng tùy theo như vậy. Dựa vào nghĩa này, trong các kệ kinh đều nói Thân-Độ của Như Lai không hai. Đây là dựa vào Chân mà nói để hiển bày không có chủ động-thụ động, mới nói là dựa vào Chân mà thành tựu nghĩa như hư không.

5) Bốn câu trên đây hợp lại làm một Pháp thân vô ngại, tùy theo mà nói đều thích hợp, Độ cũng như vậy.

6) Năm câu tổng quát-riêng biệt trên đây, tướng dung thông-hình phai mờ làm mất đi năm thuyết ấy, xa rời không có gì nương nhờ để làm Pháp thân, Độ cũng như vậy. Trên đây chỉ dựa vào Cảnh-Trí để phân rõ.

7) Thâu tóm tất cả năm phần và những công hạnh như Bi nguyện..., hằng sa công đức, tất cả đều là Pháp thân này thu nhận, bởi vì công đức do Tu mà phát sinh nhất định phải chứng lý, cho nên thâu nhiếp dung thông vô ngại. Ngay nơi này mà chứng Thể Đại của Chân Như, làm độ

Pháp tánh. Dựa vào nghĩa này thì Thân-Độ khác xa nhau. Nay nói thân tướng tức là các công đức, nói như hư không tức là tánh của thân. Văn sau của kinh cũng nói: Hiểu rõ thân Như Lai không phải như hư không, bởi vì tất cả công đức do vô lượng diệu pháp mà viên mãn.

8) Thu nhận tất cả công đức sắc tướng của Báo thân-Hóa thân, tất cả đều là Pháp thân này thu nhận. Vì vậy trong Nhiếp Luận nói: “Ba mươi hai tướng tốt đều là do Pháp thân thâm nhiếp. Nhưng có ba nghĩa: Một-Tướng tức là Như, cho nên quy về Lý thuộc Pháp thân; hai-Do Trí mà hiện bày, cho nên là Trí thuộc Pháp thân; ba-Ngay nơi tướng đều là pháp thuộc công đức, cho nên gọi là Pháp thân.” Độ đã nương tựa ấy, thì gồm chung tánh-tướng tịnh-ước vô ngại, quốc độ này của Ta thanh tịnh mà ông không thấy, chúng sinh thấy đốt cháy mà Tịnh độ không hủy hoại, Sắc tức là Như, Tướng mà không phải Tướng, Thân-Độ-Sự-Lý nương tựa duy trì đan xen lẫn nhau. Tất cả có bốn câu, đó là Sắc thân dựa vào Độ thuộc Sắc tướng, Sắc thân dựa vào Độ thuộc Pháp tánh, Pháp thân dựa vào Độ thuộc Pháp tánh, Pháp thân dựa vào Sắc tướng. Lại bởi vì Đơn-Song hướng về với nhau, cũng thành ra năm câu, đó là Thân là Sắc tướng dựa vào Độ của Sắc tướng thuộc Pháp tánh..., dựa theo để suy nghĩ. Trên đây hãy còn bao gồm các giáo Đại thừa.

9) Thâu nhiếp tất cả ba loại thế gian, tất cả đều làm một Đại Pháp thân, bởi vì đầy đủ mười Phật. Ba thân... ấy, đều là trí Chánh giác trong này thâu nhiếp, Độ cũng như vậy. Ngay nơi thân như hư không mà thị hiện thân khắp mọi nơi, có gì không đầy đủ, điều này chỉ có Hoa Nghiêm.

10) Trên đây phân ra Quyền-Thật, chỉ có loại thứ 9 thuộc về kinh này. Nếu dựa vào dung thông thâu nhiếp và thâu nhiếp Đồng giáo, thì toàn bộ 9 nghĩa trước làm một câu tổng quát, đó gọi là Thân-Độ vô ngại của Như Lai; Phổ Hiền cũng như vậy, nghĩa tùy theo ẩn kín-hiển bày, không thể nào nói nhiều được. Người thông hiểu tìm văn không phát sinh kiến giải hạn chế.

Trên đây nói Độ có năm lớp: 1: Chỉ riêng Pháp tánh thuộc về ba Thân trước; 2: Cả hai mất đi thuộc về loại thứ 4; 3: Có đủ tánh tướng làm chỗ dựa của loại thứ 5-6-7-8; 4: Dung thông ba thế gian thuộc loại thứ 9; 5: Toàn bộ các nghĩa trước tức là chỗ dựa của loại thứ 10.

Hai: Từ “Phổ Hiền an trú...” trở xuống có một kệ rưỡi nói về Đại nguyện cho nên rộng khắp, bao gồm hiển bày về Y báo rộng khắp ở trong Chánh báo, trùng trùng đều rộng khắp. Nay không nhìn thấy, bởi vì cơ duyên không phù hợp, không nhìn thấy tức là bởi vì thân hư không,

cũng rộng khắp cho nên không nhìn thấy nơi chốn.

Ba: Có một kệ rưỡi trình bày về pháp thù thắng siêu việt đã hiện bày.

Bốn: Có một kệ nói về quả đức đã đầy đủ mà không rời bỏ môn thuộc về nhân.

Trong phần sau là một kệ kết luận về nguyên cơ ca ngợi, nghĩa là tự tại khó mà suy nghĩ, hiện bày tất cả đều rộng khắp, nêu rõ tiến vào một Định mà thật sự thì qua lại khắp nơi, không phải vắng mây ánh sáng của Phật thì làm sao có thể ca ngợi thuật rõ?

Sáu: Phần Đại chúng nói kệ ca ngợi thưa thỉnh: Trước là Đại chúng thưa hỏi, Phật Phật chỉ rõ bậc Pháp chủ, Đại chúng nhìn thấy từ Định đứng dậy, cho nên ca ngợi thưa thỉnh Phổ Hiền. Trước chỉ là Đại chúng cũ, ở đây bao gồm hai chúng cũ-mới, cho nên nói là tất cả. Bởi vì đã thưa hỏi giống như trước, cho nên chỉ tóm lược nêu ra. Mười tụng phân ba: Đầu là tám kệ ca ngợi về người Chủ để thưa thỉnh, làm sáng tỏ về người có thể thuyết giảng; tiếp là một kệ nêu ra pháp thưa thỉnh, chính là bày tỏ về mối nghi ngờ; sau là một kệ ca ngợi về Chúng thưa thỉnh, trình bày về có căn khí có thể nghe.

Trong phần đầu có hai: Năm kệ đầu ca ngợi về đức sâu rộng thuộc nhân quả của Phổ Hiền, trình bày về có nhân thuyết giảng; ba kệ sau ca ngợi về đức có thể rưới mưa pháp rộng khắp vô số quốc độ, trình bày về có quả thuyết giảng.

Trong năm kệ đầu, mỗi kệ đều có một nghĩa: Kệ một là ca ngợi về Pháp thân thanh tịnh của mình, ba câu trình bày về nhân, một câu trình bày về quả. Nhân có ba nghĩa: 1- Nhờ vào tu tập mà pháp phát sinh, nghĩa bao gồm Duyên nhân và Liễu nhân; 2- Nhờ vào Đại nguyện phát khởi tức là Duyên nhân; 3- Dựa vào Như Lai Tạng mà chứng Chân bình đẳng, đây là Chánh nhân, Chân Như tức là Bất Không, hư không tức là Không Tạng, Bình đẳng cùng với Tạng nối thông với hai nghĩa trên. Kệ hai là ca ngợi về an trú khắp nơi quốc độ Phật, câu thứ ba nói về nhân rộng khắp, còn lại đều nói về tướng rộng khắp. Trong nhân đầy đủ trí trang nghiêm, cho nên có thể bình đẳng soi chiếu đầy đủ công đức trang nghiêm, khiến cho tất cả đều nhìn thấy. Kệ ba là ca ngợi về thân cận Phật. Kệ bốn là ca ngợi về thường trong Định, trong cảnh thật bởi vì không tùy theo tướng mà chuyển, Tào (bợn, lữ) là Bối (lớp, bợn). Kệ năm là ca ngợi về hóa độ chúng sinh đến cùng, vi trần là nơi nhỏ bé vốn có nhiều chúng sinh.

Trong ba kệ sau là nói về quả thuyết pháp: Kệ một là ca ngợi về

thường xuyên thuyết giảng Đại pháp, từ “Như không chi ngôn...” trở xuống là dụ cho rộng lớn, trước là dụ cho Vô tận không có gì khác nhau. Kệ hai là ca ngợi thuyết giảng về pháp Vô đẳng, Vô đẳng có hai: 1- Lực thù thắng có thể thuyết giảng, bởi vì đầy đủ hai trang nghiêm; 2- Đã thuyết giảng về pháp Vô đẳng, bởi vì thuyết giảng về những công hạnh của Phật. Kệ ba là nêu ra nhân để kết luận về quả, hiển bày về đức phát sinh nhờ vào nhân trong vô số kiếp đã tròn vẹn, cho nên có thể cuộn mây rưới mưa mà thuyết pháp.

Trong phần tiếp có một kệ nêu ra pháp thừa thỉnh, phẩm trước đã thưa hỏi tuy có nhiều môn, mà tất cả quy về những điều quan trọng ấy, vốn không có gì vượt qua ba loại thế gian, nay ba câu đều hiển bày về một điều ấy. Lại trước đây thưa hỏi bao gồm toàn bộ các Hội, ở đây vốn khiến cho giải đáp ngay nơi Hội ấy.

Trong phần sau có một kệ ca ngợi về Chúng thưa thỉnh, cũng gọi là tự thuật. Ở đây có hai nghĩa: 1- Nhất tâm cung kính, bởi vì bên trong có thể tiếp nhận giáo pháp; 2- Chư Phật tùy hỷ, bởi vì bên ngoài có duyên thù thắng, vì vậy cần phải thuyết giảng, thuyết giảng thì trên thuận với tâm của Phật, dưới tùy theo mong muốn của chúng sinh.

